

Số: 6889 /QĐ-ĐHYD

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận trúng tuyển chuyên khoa cấp II năm 2024
của Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh**

HIỆU TRƯỞNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐT ngày 20 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng trường Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐT ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng trường Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh một số nội dung tại Nghị quyết số 10/NQ-HĐT ngày 20 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1637/2001/QĐ-BYT ngày 25 tháng 5 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế đào tạo chuyên khoa cấp II sau đại học;

Căn cứ Công văn số 622/BYT-K2ĐT ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc hướng dẫn tuyển sinh và đào tạo chuyên khoa cấp I, chuyên khoa cấp II, bác sĩ nội trú năm 2020;

Xét đề nghị của Hội đồng tuyển sinh sau đại học năm 2024 và Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận trúng tuyển chuyên khoa cấp II hệ tập trung năm 2024 cho 165 (một trăm sáu mươi lăm) học viên, thuộc 40 (bốn mươi) chuyên ngành của Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, có danh sách kèm theo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Hành chính Tổng hợp, Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học, Trưởng các Phòng chức năng, Trưởng các Khoa, Bộ môn, Trung tâm liên quan và học viên có tên trong danh sách kèm theo ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Như*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Y tế (để b/c);
- Lưu: VT, ĐTSĐH_NTM.

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Quốc Đạt

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TRÚNG TUYỂN CHUYÊN KHOA CẤP II
HỆ TẬP TRUNG NĂM 2024 CỦA ĐẠI HỌC Y DƯỢC TP. HỒ CHÍ MINH**
(Kèm theo Quyết định số 6889 /QĐ-ĐHYD ngày 06 tháng 11 năm 2024)

1. Chuyên ngành Chẩn đoán hình ảnh (Siêu âm): 01 học viên

STT	TT	Họ và tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
1.	1.	Nguyễn Thị Ngọc Dung	Nữ	23/04/1972	Cà Mau	Kinh

2. Chuyên ngành Chẩn đoán hình ảnh (X Quang): 05 học viên

2.	1.	Nguyễn Bá Huy	Nam	12/08/1993	Bình Định	Kinh
3.	2.	Nguyễn Hoàng Lâm	Nam	05/01/1991	Khánh Hòa	Kinh
4.	3.	Nguyễn Trung Nhân	Nam	18/02/1993	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
5.	4.	Hoàng Xuân Trường	Nam	03/10/1984	Hà Tĩnh	Kinh
6.	5.	Bùi Thị Yến	Nữ	18/12/1988	Đắk Lắk	Kinh

3. Chuyên ngành Chẩn thương chỉnh hình: 06 học viên

7.	1.	Nguyễn Hoàng Anh	Nam	03/12/1986	Hà Nội	Kinh
8.	2.	Đỗ Anh Đức	Nam	28/02/1994	Liên Bang Nga	Kinh
9.	3.	Lê Út Hiền	Nam	10/04/1993	Bình Định	Kinh
10.	4.	Nguyễn Trịnh Hoàng Nguyên	Nam	20/09/1992	Khánh Hòa	Kinh
11.	5.	Đỗ Thành Trung	Nam	22/10/1985	Đồng Nai	Kinh
12.	6.	Phạm Hồng Viên	Nam	24/12/1988	Đắk Lắk	Kinh

4. Chuyên ngành Da liễu: 06 học viên

13.	1.	Trương Thị Ngọc Bửu	Nữ	05/01/1987	Bình Định	Kinh
14.	2.	Trần Thanh Dũng	Nam	09/12/1994	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
15.	3.	Du Ngọc Thi	Nữ	19/08/1993	Đồng Tháp	Kinh
16.	4.	Bùi Anh Thư	Nữ	13/10/1993	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
17.	5.	Phạm Ngọc Trâm	Nữ	14/10/1987	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
18.	6.	Trần Huyền Trâm	Nữ	31/05/1991	Trà Vinh	Kinh

5. Chuyên ngành Gây mê hồi sức: 09 học viên

19.	1.	Phạm Minh Đoàn	Nam	23/04/1994	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
20.	2.	Trần Quốc Dương	Nam	01/01/1988	Cần Thơ	Kinh
21.	3.	Phạm Cao Duy	Nam	25/07/1991	Bến Tre	Kinh
22.	4.	Trương Thị Mỹ Hằng	Nữ	23/09/1994	Gia Lai	Kinh
23.	5.	Trần Công Khải	Nam	03/02/1993	Bình Phước	Kinh
24.	6.	Phạm Thị Tuyết Mai	Nữ	20/11/1991	Thanh Hóa	Kinh
25.	7.	Huỳnh Trung Thảo Nguyên	Nữ	28/07/1990	Bình Định	Kinh
26.	8.	Nguyễn Thị Hoàng Phước	Nữ	22/09/1990	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
27.	9.	Nguyễn Thành Sang	Nam	28/07/1991	Kiên Giang	Kinh

6. Chuyên ngành Giải phẫu bệnh: 02 học viên

28.	1.	Phạm Hiếu	Nam	05/12/1991	Quảng Nam	Kinh
29.	2.	Nguyễn Như Tấn	Nam	03/10/1990	Lâm Đồng	Kinh

7. Chuyên ngành Hồi sức cấp cứu: 04 học viên

30.	1.	Trần Hoàng An	Nam	11/12/1992	Khánh Hòa	Kinh
31.	2.	Huỳnh Thị Hồng Nhung	Nữ	30/09/1993	Khánh Hòa	Kinh

STT	TT	Họ và tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
32.	3.	Nguyễn Văn Thắng	Nam	12/03/1992	Nam Định	Kinh
33.	4.	Nguyễn Thị Thanh Trang	Nữ	24/03/1990	Bình Dương	Kinh

8. Chuyên ngành Huyết học: 02 học viên

34.	1.	Châu Thanh Thảo	Nữ	20/06/1992	TP. Hồ Chí Minh	Hoa
35.	2.	Ksoroô H' Trang	Nữ	13/10/1982	Gia Lai	Gia Rai

9. Chuyên ngành Lao: 04 học viên

36.	1.	Nguyễn Văn Hợi	Nam	26/03/1972	Long An	Kinh
37.	2.	Trương Thị Bích Phương	Nữ	22/07/1989	Trà Vinh	Kinh
38.	3.	Nguyễn Hải Sơn	Nam	12/06/1966	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
39.	4.	Nguyễn Văn Song	Nam	09/09/1988	Đắk Lắk	Kinh

10. Chuyên ngành Lão khoa: 04 học viên

40.	1.	Phạm Hòa Bình	Nam	08/10/1980	An Giang	Kinh
41.	2.	Lê Nguyễn Hàn Lâm	Nữ	15/06/1992	Quảng Nam	Kinh
42.	3.	Lê Thị Na	Nữ	29/01/1991	Quảng Nam	Kinh
43.	4.	Phan Như Ngọc	Nữ	21/10/1988	Bình Thuận	Kinh

11. Chuyên ngành Ngoại khoa: 06 học viên

44.	1.	Nguyễn Viết Điền	Nam	20/10/1990	Nghệ An	Kinh
45.	2.	Nguyễn Công Hữu	Nam	06/02/1985	Phú Yên	Kinh
46.	3.	Phan Nhân	Nam	22/04/1990	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
47.	4.	Lê Ngọc Trung	Nam	30/11/1993	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
48.	5.	Lê Thành Trung	Nam	18/11/1983	Thái Nguyên	Kinh
49.	6.	Nguyễn Hữu Tuấn	Nam	11/03/1985	An Giang	Kinh

12. Chuyên ngành Ngoại - Lồng ngực: 04 học viên

50.	1.	Đoàn Ngọc Huy	Nam	09/12/1993	Bình Thuận	Kinh
51.	2.	Nguyễn Lục Cẩm Tiên	Nữ	16/01/1991	Đồng Nai	Kinh
52.	3.	Lê Tuấn Vũ	Nam	16/04/1993	Đồng Nai	Kinh
53.	4.	Nguyễn Trường Vũ	Nam	10/04/1990	Quảng Nam	Kinh

13. Chuyên ngành Ngoại - Nhi: 04 học viên

54.	1.	Hồ Văn Anh Dũng	Nam	10/10/1979	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
55.	2.	Nguyễn Hiền	Nam	09/11/1989	Tiền Giang	Kinh
56.	3.	Lê Sĩ Phong	Nam	08/02/1988	Đồng Nai	Kinh
57.	4.	Huỳnh Thị Thanh Thảo	Nữ	30/03/1989	TP. Hồ Chí Minh	Kinh

14. Chuyên ngành Ngoại - Thần kinh và sọ não: 05 học viên

58.	1.	Nguyễn Quốc Giang	Nam	22/02/1982	Tây Ninh	Kinh
59.	2.	Nguyễn Vũ Hải	Nam	14/09/1984	Khánh Hòa	Kinh
60.	3.	Đỗ Thành Nhân	Nam	19/09/1982	Bình Thuận	Kinh
61.	4.	Nguyễn Văn Sơn	Nam	21/06/1984	Long An	Kinh
62.	5.	Đỗ Quốc Vĩnh	Nam	10/11/1987	Trà Vinh	Kinh

15. Chuyên ngành Ngoại - Tiết niệu: 01 học viên

63.	1.	Nguyễn Quang Huy	Nam	07/09/1988	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
-----	----	------------------	-----	------------	-----------------	------

16. Chuyên ngành Nhân khoa: 04 học viên

64.	1.	Hồ Việt Anh	Nam	09/07/1987	Nghệ An	Kinh
65.	2.	Trương Duy Dũng	Nam	21/05/1983	Kiên Giang	Kinh
66.	3.	Hồ Thị Thu Giang	Nữ	04/06/1990	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
67.	4.	Huỳnh Tuấn Kiệt	Nam	25/10/1988	An Giang	Kinh

STT	TT	Họ và tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
17. Chuyên ngành Nhi - Hô hấp: 06 học viên						
68.	1.	Ngô Thị Thu Hiền	Nữ	25/01/1988	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
69.	2.	Lê Thị Thùy Linh	Nữ	22/08/1986	Lâm Đồng	Kinh
70.	3.	Nguyễn Thị Ngọc Sương	Nữ	06/06/1986	Long An	Kinh
71.	4.	Nguyễn Đan Thanh	Nữ	16/09/1989	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
72.	5.	Võ Hoài Thương	Nam	12/02/1988	Cà Mau	Kinh
73.	6.	Lê Thị Trang	Nữ	19/10/1992	Thanh Hóa	Kinh
18. Chuyên ngành Nhi - Hồi sức: 01 học viên						
74.	1.	Nguyễn Đạt Thịnh	Nam	04/12/1984	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
19. Chuyên ngành Nhi: Huyết học - Ung bướu: 01 học viên						
75.	1.	Nguyễn Minh Châu	Nữ	01/04/1992	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
20. Chuyên ngành Nhi - Sơ sinh: 01 học viên						
76.	1.	Hồ Thị Kim Oanh	Nữ	03/08/1992	Bình Thuận	Kinh
21. Chuyên ngành Nhi - Thần kinh: 02 học viên						
77.	1.	Vũ Thị Thùy Dương	Nữ	12/07/1987	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
78.	2.	Phạm Trần Quỳnh Nhi	Nữ	02/07/1994	An Giang	Kinh
22. Chuyên ngành Nhi - Tiêu hóa: 01 học viên						
79.	1.	Trần Ngọc Lưu	Nữ	25/05/1986	Kiên Giang	Kinh
23. Chuyên ngành Nhi - Tim mạch: 03 học viên						
80.	1.	Nguyễn Hoàng Anh	Nam	22/05/1993	Kiên Giang	Kinh
81.	2.	Văn Thế Duy	Nam	08/07/1991	Bạc Liêu	Hoa
82.	3.	Trần Thị Hoàng Minh	Nữ	11/02/1988	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
24. Chuyên ngành Nội - Hô hấp: 02 học viên						
83.	1.	Phan Văn Bạc	Nam	27/05/1994	Tiền Giang	Kinh
84.	2.	Bùi Ngọc Tân	Nam	08/04/1993	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
25. Chuyên ngành Nội - Thận tiết niệu: 01 học viên						
85.	1.	Vũ Lệ Anh	Nam	27/06/1981	Đồng Nai	Kinh
26. Chuyên ngành Nội - Tiêu hóa: 05 học viên						
86.	1.	Hồ Lê Bá Đạt	Nam	05/09/1993	Quảng Ngãi	Kinh
87.	2.	Đỗ Thị Xuân Dung	Nữ	11/04/1991	Long An	Kinh
88.	3.	Thái Dương	Nam	05/10/1984	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
89.	4.	Võ Minh Mẫn	Nam	08/08/1988	An Giang	Kinh
90.	5.	Nguyễn Thị Lan Vy	Nữ	23/10/1987	Đồng Nai	Kinh
27. Chuyên ngành Nội - Tim mạch: 04 học viên						
91.	1.	Dương Quốc Hùng	Nam	04/04/1982	Hà Tĩnh	Kinh
92.	2.	Nguyễn Ngọc Hoàng Mỹ	Nữ	29/08/1982	Cần Thơ	Kinh
93.	3.	Trịnh Ngọc Thanh	Nam	14/03/1995	Ninh Thuận	Kinh
94.	4.	Đặng Quang Toàn	Nam	17/08/1990	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
28. Chuyên ngành Nội tiết: 05 học viên						
95.	1.	Phạm Bảo Châu	Nam	16/08/1991	Đồng Tháp	Kinh
96.	2.	Bùi Văn Hùng	Nam	17/12/1980	Ninh Bình	Kinh
97.	3.	Lê Kim Phụng	Nữ	25/04/1993	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
98.	4.	Trần Doãn Minh Tuấn	Nam	27/01/1991	Bình Định	Kinh
99.	5.	Hà Thị Bạch Tuyết	Nữ	30/07/1987	Kiên Giang	Khmer
29. Chuyên ngành Phục hồi chức năng: 01 học viên						
100.	1.	Đinh Xuân Đại	Nam	25/05/1994	TP. Hồ Chí Minh	Kinh

STT	TT	Họ và tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
-----	----	-----------	------	-----------	----------	---------

30. Chuyên ngành Quản lý Y tế: 07 học viên

101.	1.	Phan Hoàng Mẫn Đạt	Nam	16/01/1992	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
102.	2.	Trần Thị Mai Hoa	Nữ	05/10/1994	Thái Bình	Kinh
103.	3.	Võ Thành Luân	Nam	07/09/1986	Bình Dương	Kinh
104.	4.	Lâm Trọng Nghĩa	Nữ	21/07/1987	TP. Hồ Chí Minh	Hoa
105.	5.	Huỳnh Ngọc Phương Thủy	Nữ	24/02/1982	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
106.	6.	Trương Văn Trị	Nam	29/02/1964	Bình Định	Kinh
107.	7.	Bùi Anh Triết	Nam	05/02/1991	Bình Thuận	Kinh

31. Chuyên ngành Răng Hàm Mặt: 06 học viên

108.	1.	Đặng Đăng Khoa	Nam	03/03/1984	Bến Tre	Kinh
109.	2.	Phạm Phi Lân	Nam	05/10/1984	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
110.	3.	Trương Tấn Lộc	Nam	07/09/1981	Kiên Giang	Kinh
111.	4.	Trần Phạm Thùy Nhung	Nữ	10/11/1984	Đồng Tháp	Kinh
112.	5.	Bùi Nguyên Phương Thảo	Nữ	02/08/1989	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
113.	6.	Hoàng Quốc Việt	Nam	15/04/1986	Đắk Lắk	Kinh

32. Chuyên ngành Sản phụ khoa: 11 học viên

114.	1.	Nguyễn Trúc Anh	Nữ	27/10/1983	Lâm Đồng	Kinh
115.	2.	Nguyễn Phạm Hương Lan	Nữ	21/06/1983	Bình Dương	Kinh
116.	3.	Võ Thị Thùy Linh	Nữ	09/09/1992	Trà Vinh	Kinh
117.	4.	Phạm Văn Mạnh	Nam	03/02/1995	Nghệ An	Kinh
118.	5.	Đặng Nguyễn Nhật Minh	Nữ	28/01/1984	Lâm Đồng	Kinh
119.	6.	Lê Trọng Quý	Nam	28/02/1991	Bến Tre	Kinh
120.	7.	Trần Thị Ngọc Thúy	Nữ	25/12/1987	Tiền Giang	Kinh
121.	8.	Trần Vũ Thục Trinh	Nữ	08/07/1979	Đồng Nai	Kinh
122.	9.	Bùi Quang Trung	Nam	29/03/1985	Quảng Bình	Kinh
123.	10.	Võ Vũ Thanh Uyên	Nữ	10/01/1986	Bến Tre	Kinh
124.	11.	Đào Thi Anh Vinh	Nữ	02/05/1984	Đồng Nai	Kinh

33. Chuyên ngành Tai Mũi Họng (Mũi Họng): 03 học viên

125.	1.	Danh Minh Trí	Nam	12/12/1985	Kiên Giang	Khmer
126.	2.	Bùi Anh Tuấn	Nam	27/12/1993	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
127.	3.	Lâm Hoàng Vũ	Nam	29/05/1979	Sóc Trăng	Kinh

34. Chuyên ngành Tâm thần: 01 học viên

128.	1.	Trần Nguyễn Khánh Minh	Nữ	12/10/1994	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
------	----	------------------------	----	------------	-----------------	------

35. Chuyên ngành Thần kinh: 03 học viên

129.	1.	Quảng Thị Khiêm	Nữ	10/08/1982	Điện Biên	Thái
130.	2.	Võ Kim Liên	Nữ	06/04/1978	Đồng Tháp	Kinh
131.	3.	Phạm Thị Thu Ngân	Nữ	24/12/1990	Tây Ninh	Kinh

36. Chuyên ngành Tổ chức Quản lý dược: 12 học viên

132.	1.	Trần Thị Thùy Dương	Nữ	01/02/1990	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
133.	2.	Huỳnh Lê Hạ	Nữ	24/07/1985	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
134.	3.	Đặng Cao Hạnh	Nữ	02/09/1985	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
135.	4.	Trần Thu Hiền	Nữ	19/02/1987	Hòa Bình	Kinh
136.	5.	Lê Đức Hiền	Nam	04/05/1981	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
137.	6.	Ngô Công Khiêm	Nam	12/05/1978	Quảng Nam	Kinh
138.	7.	Trần Thị Phương Mai	Nữ	06/11/1983	Hải Dương	Kinh
139.	8.	Trần Quốc Thắng	Nam	12/02/1988	Hà Nam	Kinh

STT	TT	Họ và tên	Giới	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc
140.	9.	Trần Phương Thảo	Nữ	05/03/1982	Tiền Giang	Kinh
141.	10.	Phạm Ngọc Hồng Thịnh	Nam	16/05/1996	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
142.	11.	Lê Vũ Phương Thúy	Nữ	03/11/1986	Hòa Bình	Kinh
143.	12.	Đỗ Thị Thùy	Nữ	16/12/1986	Hưng Yên	Kinh

37. Chuyên ngành Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới: 03 học viên

144.	1.	Nguyễn Văn Thành Được	Nam	16/11/1991	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
145.	2.	Lê Thị Kim Ngọc	Nữ	07/06/1986	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
146.	3.	Lê Thị Thùy Nhung	Nữ	15/01/1987	Quảng Bình	Kinh

38. Chuyên ngành Ung thư: 09 học viên

147.	1.	Trần Cao Hồng Ân	Nữ	29/03/1991	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
148.	2.	Võ Nguyên Bảo	Nam	06/08/1980	Cần Thơ	Kinh
149.	3.	Nguyễn Công Mỹ Hà	Nữ	09/10/1990	TP. Hồ Chí Minh	Kinh
150.	4.	Đinh Hữu Hòa	Nam	08/03/1972	Thừa Thiên Huế	Kinh
151.	5.	Vũ Đình Khánh Hoàng	Nam	12/09/1990	Thanh Hóa	Kinh
152.	6.	Phạm Tuấn Lịch	Nam	19/10/1983	Đắk Lắk	Kinh
153.	7.	Phạm Thành Luân	Nam	04/10/1987	Nam Định	Kinh
154.	8.	Đỗ Chí Nhân	Nam	04/01/1990	Hưng Yên	Kinh
155.	9.	Danh Tuấn	Nam	10/05/1978	Kiên Giang	Khmer

39. Chuyên ngành Y học cổ truyền: 07 học viên

156.	1.	Thái Bảo Cường	Nam	02/10/1986	Lâm Đồng	Nùng
157.	2.	Lê Thị Thúy Hằng	Nữ	28/11/1988	Bình Thuận	Kinh
158.	3.	Nguyễn Đình Kiên	Nam	22/01/1987	Bà Rịa - Vũng Tàu	Kinh
159.	4.	Phạm Thị Minh	Nữ	08/02/1991	Nam Định	Kinh
160.	5.	Trịnh Đức Tài	Nam	01/11/1983	Nam Định	Kinh
161.	6.	Bùi Tiến Thành	Nam	24/01/1990	Thái Bình	Kinh
162.	7.	Ngô Quang Vinh	Nam	07/09/1992	Vĩnh Long	Kinh

40. Chuyên ngành Y học gia đình: 03 học viên

163.	1.	Hứa Kiên Cường	Nam	20/01/1982	Cà Mau	Kinh
164.	2.	Chiu Kín Hâu	Nam	24/09/1976	Đồng Nai	Nùng
165.	3.	Nguyễn Minh Nhân	Nam	23/09/1992	Bến Tre	Kinh

Ấn định danh sách công nhận trúng tuyển chuyên khoa cấp II hệ tập trung năm 2024 có 165 (một trăm sáu mươi lăm) học viên, thuộc 40 (bốn mươi) chuyên ngành./.

HIỆU TRƯỞNG

Ngô Quốc Đạt